

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 200 /UBND - TNMT
V/v cung cấp các số liệu làm cơ sở
xây dựng phương án Giá dịch vụ
thu gom, vận chuyển rác thải sinh
hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Bỉm Sơn, ngày 24 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 198/TCKH ngày 10/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá về việc cung cấp các số liệu làm cơ sở xây dựng phương án Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo như sau:

1. Tổng hợp về số liệu thu gom, vận chuyển và kinh phí hàng năm cho hoạt động vệ sinh, môi trường trên địa bàn thị xã:

- Tổng khối lượng rác phát sinh: 22.630 tấn/năm;
- Tổng khối lượng rác phải vận chuyển hàng năm từ nơi thu gom đến bãi tập kết (hoặc nơi xử lý): 21.352,5 tấn/năm;
- Kinh phí hàng năm cho hoạt động vệ sinh, môi trường trên địa bàn: 18.000 triệu đồng/năm.

(Theo biểu 01 chi tiết kèm theo)

2. Đề xuất mức giá đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn cho từng đối tượng phát thải: (Theo biểu 02 chi tiết kèm theo)

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo kết quả rà soát theo nội dung Công văn số 198/TCKH ngày 10/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường đề Quý sở tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND TX (b/cáo);
- Lưu: VT, TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tông Thanh Bình

Biểu 01: TỔNG HỢP, SỐ LIỆU VỀ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT VÀ KINH PHÍ CHI HẰNG NĂM CHO HOẠT ĐỘNG VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BÌM SƠN

(Kèm theo Công văn số...200../UBND-TNMT ngày...24 tháng 01 năm 2019 của UBND thị xã Bim Sơn)



TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Khối lượng	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	Số liệu về thu gom, vận chuyển rác				
I	Đối tượng hộ gia đình, cá nhân				
1	Tổng số dân trên địa bàn huyện tính đến ngày 31/12/2018	người	58.982		
2	Khối lượng phát thải từ hộ gia đình, cá nhân	Tấn/năm	12.009		
II	Đối tượng phát thải khác		10.621		
1	Có khối lượng rác phát sinh <1m3/tháng	hộ/đơn vị	691	4.320	<i>Đối tượng này tại cột thành tiền đề nghị tính thành tổng khối lượng</i>
2	Có khối lượng rác >1m3/tháng	hộ/đơn vị	284	5.316	
3	Đối tượng phát thải tại khu vực công cộng (công viên, quảng trường, khu vui chơi...)	Tấn/năm	985	985	<i>Đề nghị ước tính khối lượng rác thải phát sinh tại khu vực công cộng trên địa bàn huyện</i>
III	Tổng khối lượng rác phát sinh hàng năm trên địa bàn huyện (I+II)	Tấn/năm	22.630,0	10.621	
B	Khối lượng vận chuyển rác hàng năm trên địa bàn huyện				
1	Tổng khối lượng rác phải vận chuyển hàng năm từ nơi thu gom đến bãi tập kết (hoặc nơi xử lý)	Tấn/năm	21.352,5		<i>Khối lượng vận chuyển toàn huyện có thể thấp hơn hoặc bằng khối lượng phát thải</i>
2	Cự ly vận chuyển rác trung bình hàng năm từ nơi thu gom đến bãi tập kết (hoặc nơi xử lý)	Km/năm	10	6.000 triệu đồng/năm	<i>Cột thành tiền đề nghị ước tính số tiền cần thiết để vận chuyển hết khối lượng rác phát sinh trên địa bàn</i>
C	Số liệu tài chính của hoạt động vệ sinh, môi trường trên địa bàn huyện				
1	Số thu từ hoạt động vệ sinh, môi trường trên địa bàn (nếu có)	triệu đồng/năm	3.000		<i>Số liệu thu phí vệ sinh môi trường hàng năm</i>
2	Ngân sách các cấp phải cấp bù cho hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện; trong đó:	triệu đồng/năm	15.000		
-	Cấp bù cho đối tượng công cộng (công viên, quảng trường, khu vui chơi...)	triệu đồng/năm	Cấp bù 100%		
-	Cấp bù cho các đối tượng còn lại (nếu có)	triệu đồng/năm			

**Biểu 02: ĐỀ XUẤT MỨC THU TỐI ĐA CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG PHÁT THẢI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BÌM SƠN**

(Kèm theo Công văn số...../UBND-TNMT ngày..... tháng 01 năm 2019 của UBND thị xã Bim Sơn)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa dự kiến thay thế Quyết định 3355/2017/QĐ-UBND	Mức thu tối đa UBND thị xã Bim Sơn đề xuất ban hành để ngân sách các cấp không phải cấp bù	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Cá nhân, Hộ gia đình không có hoạt động sản xuất kinh doanh				<i>Đề nghị UBND các huyện xác định và đề xuất cụ thể mức thu tối đa cho từng đối tượng trên địa bàn để ngân sách các cấp không phải cấp bù kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt</i>
a	Trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Bim Sơn và Khu kinh tế Nghi Sơn	người/tháng	5.000 đồng	5.000 đồng	
b	Các xã thuộc thành phố, thị xã và khu vực thị trấn trung tâm các huyện	người/tháng	3.500 đồng	3.500 đồng	
c	Khu vực còn lại	người/tháng	2.500 đồng	2.500 đồng	
2	Cơ quan, đơn vị HCSN; trụ sở làm việc, văn phòng giao dịch, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức, sản xuất, kinh doanh không có hoạt động sản xuất kinh doanh.	Có khối lượng rác $\leq 1m^3$	130.000 đồng/tháng	130.000 đồng/tháng	
		Có khối lượng rác $> 1m^3$	240.000 đồng/m ³	240.000 đồng/m ³	
3	Đối với các khu vực di tích lịch sử - văn hóa, nhà ga, bến xe; khu vui chơi giải trí, các khu vực công cộng khác (như điểm du lịch, khu du lịch...).	Có khối lượng rác $\leq 1m^3$	130.000 đồng/tháng	130.000 đồng/tháng	
		Có khối lượng rác $> 1m^3$	240.000 đồng/m ³	240.000 đồng/m ³	
4	Rác thải tại các chợ.	m ³ rác	240.000 đồng/m ³	240.000 đồng/m ³	
5	Cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh; Rác thải do các cơ sở sửa chữa ô tô, xe máy (không bao gồm chất thải nguy hại).	Giao các đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt xây dựng phương án giá cụ thể, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định (tối đa không vượt quá 240.000 đồng/ m ³ rác)			